TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2019/TLST – HN&GĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 324/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2019/QĐST- HPT ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 9 ngõ 68 phố N, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Hà Tuấn Q**, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

(Chị H có mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai liên tiếp tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày như sau:

Chị H và anh Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 4 năm 2011 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H xác định không còn tình

cảm với anh Q, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Khánh A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 và cháu Hà Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2014. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở.

- Về khoản nợ: Chị H xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Hà Tuấn Q nhưng anh Q vắng mặt tại các buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Chuyển thông báo thụ lý vụ án, các quyết định đến Viện kiểm sát và các tống đạt cho đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 175; Điều 191; Điều 195; Điều 196; Điều 199 và khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian chuẩn bị xét xử đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 203; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại Điều 63; điểm b khoản 2 Điều 227 và chương II Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51; Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung căn cứ vào nguyện vọng của các con chung; khả năng, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của đương sự cũng như quyền lợi của con chung thì giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q là phù hợp với quy định pháp luật. Về tài sản chung và nhà ở các khoản vay nợ nguyên đơn xác nhận không yêu cầu giải quyết. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho đương sự, vì vậy Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Tuấn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả và hiện anh chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

[3] Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông **Nguyễn Khắc Hưng** – Tổ trưởng tổ dân phố số 17 phường N, quận B, thành phố Hà Nội cho biết: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Hà Tuấn Q đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 4 năm 2011 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình vợ chồng chung sống tổ dân phố không thấy có mâu thuẫn gì nghiêm trọng xảy ra. Khi xảy ra mâu thuẫn tổ dân phố đã giảng hòa nhưng không có kết quả. Hiện nay chị H và hai con đã chuyển đi nơi khác, anh Q không sinh sống thường xuyên tại địa phương nhưng chị H có trao

đổi thỉnh thoảng anh Q có về nhà vào buổi tối. Tòa án đã tống đạt các văn bản cho anh Q nhưng anh Q không nhận. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Khánh A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 và cháu Hà Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2014. Hiện cả hai cháu đã chuyển đi nơi khác cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị Thu H. Về tài sản chung và nhà ở: Tổ dân phố không nắm rõ về vấn đề tài sản chung và nhà ở của chị H và anh Q. Về khoản nợ: Tổ dân phố không nắm rõ vấn đề vay nợ của chị H và anh Q.

[4] Tòa án cũng tiến hành ghi ý kiến đại diện gia đình nguyên đơn - bà **Nguyễn Thị Hạnh**, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 9 ngõ 68 phố N, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. Là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Thu H - nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn với anh Hà Tuấn Q: Về tình cảm: Cháu Hà và cháu Quang ngày 03 tháng 4 năm 2011 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cháu Hà xác định không còn tình cảm với cháu Quang, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Hà được ly hôn với cháu Quang. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Khánh A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 và cháu Hà Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2014. Hiện tại cả hai cháu đang ở với cháu Hà tại ngõ 01 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Do cháu Quang thường xuyên vắng nhà không chăm lo cho gia đình nên đề nghị để cháu Hà trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai cháu tự quyết định. Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[5] Tòa án tiến hành ghi ý kiến đại diện gia đình bị đơn : ông **Hà Văn Vinh**, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Là bố đẻ của anh Hà Tuấn Q – bị đơn trong vụ án tranh chấp ly hôn. Về tình cảm: Cháu Hà và cháu Quang kết hôn ngày 03 tháng 4 năm 2011 tại UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại số 94 đường Y, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay cháu Hà xác định không còn tình cảm với cháu Quang, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu Hà được ly hôn với cháu Quang. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Khánh A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 và cháu Hà Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2014. Hiện tại cả hai cháu đang ở với cháu Hà tại ngõ 01 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Do cháu Quang thường xuyên vắng nhà không chăm lo cho gia đình nên đề nghị để cháu Hà trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm

của gia đình để hai cháu tự quyết định. Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai cháu và hai cháu cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ tuy nhiên không có kết quả vì anh Q vắng mặt. Anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2015 thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về con chung: Theo nguyện vọng của các con chung đều muốn được ở với mẹ, cũng như về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung của chị H đều đảm bảo; mặt khác anh Q thường xuyên vắng nhà nên không thể chăm sóc các con chung. Vì vậy để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu An và cháu Minh là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét;

Về khoản nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

[10] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; Khoản 4 Điều 147; các Điều 203; 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H;

Chị **Nguyễn Thị Thu H** được ly hôn với anh **Hà Tuấn Q**.

2. Về con chung: Giao cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Khánh A, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2011 và cháu Hà Tuấn M, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2014; tạm hoãn nghĩa vụ thực hiện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh Hà Tuấn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nhà ở: Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Sau khi ly hôn chị tự lo về nhà ở.

Về vay nợ chung: Chị H xác nhận hai bên không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số **5709** ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Long

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường N, quận B, thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*